

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 5 năm từ 2026-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030 với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định rõ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&ĐMST) của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030, phù hợp với chủ trương của Trung ương, của tỉnh và bám sát Chiến lược phát triển KH&ĐMST quốc gia đến năm 2030.

- Làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm, tích hợp mục tiêu KH&ĐMST vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 của Quốc gia.

- Tạo cơ sở triển khai đồng bộ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (ngân sách, xã hội hóa, doanh nghiệp, viện - trường, quốc tế) nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; phù hợp với Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các chiến lược, kế hoạch liên quan của bộ, ngành Trung ương.

- Nội dung kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, đo lường được, bám sát yêu cầu thực tiễn của tỉnh, phù hợp nguồn lực và điều kiện triển khai; có phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị.

- Phát huy vai trò chủ thể của doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác với viện - trường; đảm bảo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương.

- Bảo đảm công khai, minh bạch; gắn triển khai nhiệm vụ với theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả hằng năm theo đúng quy định.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN

1. Mục tiêu chung

Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030 được xây dựng nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 604/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; qua đó phát huy vai trò khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế “hai con số” trong giai đoạn 2026-2030, với các mục tiêu cụ thể sau:

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 50%.

- Bố trí ít nhất 1,5% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Phấn đấu có tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 35%.

- Phấn đấu đưa Chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh (chỉ số PII) tăng 2-3 bậc trong mỗi năm.

- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Phấn đấu có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Phấn đấu có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai.

- Có $\geq 50\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Phấn đấu mỗi năm có ≥ 5 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Phấn đấu có $\geq 10\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 15 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Phân đầu mỗi năm có ≥ 2 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Phân đầu có ≥ 200 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 3 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Phân đầu mỗi năm có ≥ 50 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 20 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Phân đầu mỗi năm có ≥ 2 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Phân đầu có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Phân đầu mỗi năm có ≥ 100 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

3. Nguyên tắc triển khai

- Lấy kết quả, hiệu quả và tác động phát triển làm thước đo chủ đạo: Các nhiệm vụ KHCN&ĐMST được triển khai theo hướng quản trị theo kết quả đầu ra, kết quả và tác động, không dừng ở hoàn thành quy trình hành chính. Kết quả thực hiện phải gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất - kinh doanh, đóng góp vào tăng trưởng GRDP và cải thiện đời sống người dân; ưu tiên các nhiệm vụ có sản phẩm cụ thể, có khả năng thương mại hóa và nhân rộng.

- Ngân sách nhà nước là vốn đầu tư phát triển, có trọng tâm, trọng điểm: Nguồn ngân sách cho KHCN&ĐMST được xác định là nguồn lực đầu tư phát triển, tập trung cho các nhiệm vụ có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, sản phẩm đầu ra cụ thể và khả năng tạo giá trị gia tăng. Chuyển mạnh cơ chế quản lý kinh phí theo hướng đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi theo kết quả đầu ra, kết hợp hậu kiểm, gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân chủ trì.

- Đẩy mạnh cơ chế đồng tài trợ, huy động nguồn lực xã hội: Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khoa học và công nghệ ngoài ngân sách tham gia xuyên suốt từ đề xuất, triển khai đến ứng dụng và thương mại hóa. Áp dụng nguyên tắc cùng đầu tư - cùng hưởng lợi - cùng chia sẻ rủi ro, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm; tăng tỷ lệ đồng tài trợ của khu vực ngoài ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

- Công khai, minh bạch, quản trị trên nền tảng số và dữ liệu: Toàn bộ quy trình từ tuyển chọn, giao nhiệm vụ, triển khai đến nghiệm thu, đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch, quản lý trên nền tảng số, kết nối với các cơ sở dữ liệu liên quan. Áp dụng hệ thống chỉ số đánh giá (KPI) theo các nhóm đầu vào, đầu ra, kết quả và tác động; bảo đảm đo lường bằng dữ liệu, giám sát theo thời gian thực.

- Bảo đảm đồng bộ, liên thông với cơ chế, chính sách hiện hành: Triển khai các nhiệm vụ KHCN&ĐMST gắn với việc tận dụng, lồng ghép và đồng bộ các

chính sách ưu đãi của Trung ương và của tỉnh về tài chính, tín dụng, thuế, đất đai và hỗ trợ doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm thống nhất, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả thực thi.

4. Định hướng ưu tiên

- Chuyển mạnh sang ứng dụng, thương mại hóa và sản phẩm đầu ra: Chuyển trọng tâm từ hỗ trợ nghiên cứu sang phát triển công nghệ, ứng dụng và thương mại hóa, lấy sản phẩm cụ thể, hiệu quả thị trường và giá trị gia tăng làm thước đo. Ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng triển khai nhanh, có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, có doanh nghiệp tham gia và có khả năng nhân rộng. Nhiệm vụ nghiên cứu được xem xét tài trợ, đặt hàng khi gắn với phát triển công nghệ, tạo sản phẩm và đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm - Nhà nước kiến tạo - Viện, Trường đồng hành: Doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo, là chủ thể được đặt hàng, tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ. Nhà nước thực hiện vai trò kiến tạo thể chế, định hướng, dẫn dắt và hỗ trợ nguồn lực; Viện nghiên cứu, Trường Đại học cung cấp tri thức, công nghệ và nhân lực. Tăng cường liên kết “Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp”, chuyển mạnh sang cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo kết quả đầu ra.

- Tập trung có trọng tâm vào lĩnh vực công nghệ ưu tiên, phù hợp lợi thế tỉnh: Tập trung nguồn lực cho một số lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn, khả năng tạo giá trị gia tăng cao và gắn với chuỗi giá trị, gồm: Nông nghiệp công nghệ cao (giống, công nghệ sinh học, nông nghiệp số, canh tác bền vững); Công nghiệp chế biến, chế biến sâu gắn với sản phẩm chủ lực và xuất khẩu; Năng lượng tái tạo và năng lượng mới; Du lịch thông minh, dịch vụ số; Logistics và hạ tầng chuỗi cung ứng.

Việc lựa chọn nhiệm vụ phải gắn với bài toán lớn của tỉnh, có doanh nghiệp dẫn dắt và khả năng tham gia chuỗi giá trị trong nước, khu vực.

- Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành hoạt động KHCN&ĐMST theo hướng số hóa, minh bạch; phát triển cơ sở dữ liệu về công nghệ, tài sản trí tuệ, doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Ứng dụng nền tảng số trong theo dõi, đánh giá theo đầu ra, kết quả và tác động, phục vụ quản trị hiệu quả.

- Nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng và hỗ trợ thương mại hóa: Đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng - thử nghiệm - chứng nhận theo hướng hiện đại, tương thích tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp vượt rào cản kỹ thuật, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường liên kết vùng, hội nhập hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia và thúc đẩy liên kết với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia; mở rộng hợp tác với viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Gắn hoạt động KHCN&ĐMST với chuỗi giá trị liên vùng, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và lan tỏa công nghệ, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và quốc gia.

III. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc thị trường và yêu cầu phát triển của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, hiệu quả được đo lường bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con só”.

- Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các cơ chế, chính sách mới của Trung ương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng lấy hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa, mức độ đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội làm tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đề xuất, thực hiện, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

- Từng bước hình thành môi trường thuận lợi cho thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các công nghệ, mô hình sản xuất, kinh doanh mới; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng cường liên kết giữa hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã, đặc khu.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo

2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

- Bố trí ít nhất 1,5% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; ưu tiên đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ theo hướng gắn với kết quả đầu ra, hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện hiệu quả mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”; tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, quỹ và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Tài chính; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và các đơn vị liên quan.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

3.1. Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh theo mô hình liên kết “Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện, Trường”, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm, là chủ thể chính của hoạt động đổi mới sáng tạo; nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường, cơ chế, chính sách; các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và cộng đồng khởi nghiệp tham gia hỗ trợ, kết nối và lan tỏa.

- Khuyến khích hình thành không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục và doanh nghiệp; thúc đẩy liên kết vùng, chia sẻ hạ tầng, nhân lực khoa học và công nghệ, tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, chuyên gia, kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ, phục vụ công tác quản lý, điều hành và nhu cầu tra cứu, khai thác của tổ chức, cá nhân.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào, hội thi, giải thưởng sáng tạo; kịp thời tôn vinh, nhân rộng các sáng kiến, giải pháp có giá trị thực tiễn, tạo động lực lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

3.2. Tăng cường thương mại hóa và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ đánh giá, định giá, hoàn thiện công nghệ và mô hình kinh doanh để nhân rộng các sản phẩm, quy trình, giải pháp có hiệu quả.

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng, du lịch và dịch vụ logistics. Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá trình độ công nghệ, lựa chọn, đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, từng bước làm chủ và phát triển công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ; tổ chức các hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ, môi giới và xúc tiến chuyển giao; hỗ trợ đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và cải tiến công nghệ tiên tiến; khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế đặt hàng, gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và thị trường.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

3.3. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, lựa chọn, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ thông qua hoạt động tư vấn, kết nối, cung cấp thông tin và hướng dẫn khai thác tài sản trí tuệ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, cải tiến, tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng tiên tiến, thân thiện môi trường; đẩy mạnh tự động hóa, số hóa và ứng dụng các công nghệ mới; đồng thời chuẩn hóa quy trình vận hành, bảo đảm an toàn và hiệu quả sản xuất.

- Triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công nghệ; hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và các mô hình sản xuất thông minh dựa trên dữ liệu số.

- Đẩy mạnh phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, đa dạng hóa kênh phân phối, qua đó đưa sản phẩm đổi mới sáng tạo vào thực tiễn, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Rà soát, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và nhân lực chất lượng cao tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, tư vấn, phản biện và giải quyết các vấn đề thực tiễn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ về nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

- Khuyến khích hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ đội ngũ khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

- Nâng cao năng lực quản trị công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và khai thác tài sản trí tuệ cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ; từng bước nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và phát triển công nghệ của địa phương.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.

5. Triển khai các định hướng, nhiệm vụ KHCN&ĐMST gắn với việc thực hiện các Chương trình KHCN&ĐMST trọng điểm của tỉnh và quốc gia, bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh dàn trải

5.1. Chương trình khoa học xã hội và nhân văn

*** Về nhiệm vụ**

a) Về văn hóa - xã hội

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

- Nghiên cứu những yếu tố sinh thái, địa lý, dân tộc, văn hóa có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới nhằm đề xuất những chính sách đặc thù cho xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng điểm mô hình nông thôn mới gắn với phát triển ngành nghề sản xuất hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về ổn định xã hội, giáo dục, văn hóa, dân tộc, an ninh - quốc phòng. Cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội, cơ cấu lao động, phân hóa giàu nghèo, thu nhập thấp, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, tìm giải pháp quản lý và các chính sách, tạo môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa bản địa, văn hóa cộng đồng gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của các dân tộc ít người.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách phục vụ phát triển nông thôn mới, thực hiện xã hội hóa về văn hóa, giáo dục - đào tạo, thể dục, thể thao.

- Nghiên cứu xác định những hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, các công cụ quản lý rủi ro thích hợp cho các ngành hàng trọng điểm.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa đổi mới sáng tạo; phát triển văn hóa số, văn hóa khởi nghiệp; bảo tồn văn hóa gắn với du lịch thông minh.

b) Về du lịch

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển kinh tế du lịch phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch (sinh thái, văn hóa, di tích, làng nghề...).

- Đa dạng hóa và phát triển sản phẩm du lịch theo hướng đặc thù, kết hợp các loại hình (nghỉ dưỡng, văn hóa, tâm linh, cộng đồng, sinh thái, biển...).

- Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, thiết kế các tuyến, điểm du lịch; phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với bản sắc văn hóa và điều kiện địa phương.

- Phát triển du lịch thông minh, ứng dụng KHCN&ĐMST trong quảng bá, quản lý, xây dựng bản đồ du lịch, nâng cao trải nghiệm du khách.

- Thúc đẩy thanh toán điện tử, thương mại số; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành du lịch, kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia.

- Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp du lịch theo hướng tăng cường liên kết chuỗi giá trị; khuyến khích doanh nghiệp lớn đóng vai trò dẫn dắt, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ gia đình và các mô hình khởi nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch sáng tạo.

c) Về giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của KHCN&ĐMST trong dạy học và quản lý giáo dục. Ứng dụng các tiến bộ KHCN trong giáo dục và đào tạo ở các cấp học, ngành học để nâng cao hiệu quả toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Triển khai nhân rộng việc ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu đưa việc giảng dạy STEM vào học đường, ứng dụng các phần mềm trong giảng dạy trực tuyến.

- Nghiên cứu các vấn đề về đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường, trung tâm đào tạo nghề.

* Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan chủ trì:

- + Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì chung; định hướng, đặt hàng, quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì nội dung về văn hóa, du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch, triển khai du lịch thông minh.

- + Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì nội dung về giáo dục và đào tạo; triển khai ứng dụng KHCN&ĐMST trong dạy học, phát triển giáo dục số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở ngành và UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

5.2. Chương trình KHCN trong nông nghiệp và môi trường, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng AI, IoT

*** Về nhiệm vụ**

a) Về trồng trọt

- Nghiên cứu, ứng dụng KHCN&ĐMST (công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số) trong chọn tạo, nhân giống cây trồng chủ lực và các sản phẩm có tiềm năng thị trường.

- Phát triển các mô hình canh tác tiên tiến (tái canh, tưới tiết kiệm, quy trình sản xuất giảm phát thải...), nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Mở rộng áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt, tiêu chuẩn sản xuất bền vững; phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Nghiên cứu phát triển chuỗi giá trị từ sản xuất - bảo quản - chế biến - tiêu thụ; gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch sinh thái.

- Quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến; phát triển sản phẩm nông nghiệp đặc thù, sản phẩm hữu cơ.

- Nghiên cứu phòng trừ dịch bệnh, cải tạo đất; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

b) Về chăn nuôi, thủy sản

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ gen trong chọn tạo, phát triển giống vật nuôi, thủy sản chủ lực và giống bản địa có giá trị kinh tế cao; bảo tồn và khai thác nguồn gen quý.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến (robot và tự động hóa...) trong quản lý chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng quy mô hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng sinh học, hữu cơ, an toàn dịch bệnh; ứng dụng chuồng trại thông minh, kiểm soát môi trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi bền vững, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp; nâng cao chất lượng dinh dưỡng, giảm sử dụng kháng sinh.

- Nghiên cứu, phòng chống dịch bệnh; phát triển vắc - xin, chế phẩm sinh học, quy trình chuẩn đoán và điều trị tiên tiến.

- Ứng dụng công nghệ trong sản xuất giống sạch bệnh, bảo quản, chế biến sâu sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn, thân thiện môi trường; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.

c) Về lâm nghiệp

- Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích rừng nghèo và đất lâm nghiệp kém hiệu quả; phát triển cây lâm nghiệp có giá trị.

- Ứng dụng KHCN&ĐMST trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng; triển khai chứng chỉ rừng, chỉ trả dịch vụ môi trường rừng và cơ chế tín chỉ carbon.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học; bảo tồn nguồn gen quý hiếm.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng và khai thác trái phép.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và trữ lượng carbon rừng.

d) Về nông thôn mới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình ứng dụng KHCN&ĐMST (nông nghiệp thông minh, hữu cơ, công nghệ sau thu hoạch, năng lượng tái tạo...) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập và bảo vệ môi trường.

- Nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì; ứng dụng truy xuất nguồn gốc số, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù, nhất là sản phẩm của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển các khu, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị nông sản an toàn, hữu cơ; khuyến khích kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

- Nâng cao năng lực, chuyển giao kỹ thuật sản xuất tiên tiến; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tiếp thị số, kết nối tiêu thụ sản phẩm qua các nền tảng thương mại điện tử.

- Bảo tồn và phát huy tri thức bản địa, giống cây trồng vật nuôi đặc hữu, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ công thiết yếu (y tế từ xa, giáo dục trực tuyến, thông tin thị trường), góp phần thu hẹp khoảng cách số vùng nông thôn, miền núi.

đ) Về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên môi trường:

- Nghiên cứu, ứng dụng KHCN&ĐMST để đánh giá tác động và đề xuất giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đối với tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến cây trồng, vật nuôi; đề xuất giải pháp thích ứng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và giảm phát thải khí nhà kính.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, vật liệu mới trong xây dựng, giao thông, thủy lợi nhằm thích ứng biến đổi khí hậu; bảo vệ, cải tạo tài nguyên.

- Phát triển, ứng dụng công nghệ xử lý môi trường, xử lý chất thải nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông - lâm - thủy sản theo hướng kinh tế tuần hoàn.

- Ứng dụng công nghệ trong thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; kiểm soát ô nhiễm làng nghề, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung.

- Ứng dụng KHCN&ĐMST trong giám sát tài nguyên nước, chất lượng môi trường, cảnh báo sớm ô nhiễm, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, an toàn hồ chứa, đê điều và các khu vực có nguy cơ cao; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu số chuyên ngành về thủy lợi, đê điều, phòng chống

thiên tai và nước sạch nông thôn, phục vụ quản lý, điều hành, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

5.3. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, vật liệu mới trong thiết kế, thi công, quản lý công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, nâng cao chất lượng và khả năng thích ứng biến đổi khí hậu.
- Ứng dụng KHCN&ĐMST (BIM, GIS, AI, IoT) trong quy hoạch, xây dựng, vận hành và bảo trì công trình.
- Nghiên cứu, áp dụng giải pháp kỹ thuật xử lý nền móng, sạt lở, bảo đảm an toàn công trình.
- Phát triển giao thông thông minh, đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành hạ tầng.
- Ứng dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; xây dựng cơ sở dữ liệu số về hạ tầng phục vụ quản lý.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Công thương, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

5.4. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Triển khai, ứng dụng công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như: năng lượng (điện gió, điện mặt trời, năng lượng sạch), chế biến nông - lâm - thủy sản, vật liệu xây dựng, dệt may, công nghiệp hỗ trợ; từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 và các năm tiếp theo.

5.5. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; ứng dụng và đổi mới công nghệ.

*** Về nhiệm vụ**

a) Về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, hợp tác xã về năng suất và chất lượng; Triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, thúc đẩy phong trào nâng cao năng suất và chất lượng thông qua việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến kết hợp với áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng.

- Tập huấn, đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện những hoạt động cụ thể của Chương trình như: Tập huấn, đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia, chợ công nghệ và thiết bị, nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, tạo ra công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

b) Triển khai ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của tỉnh

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian, giải pháp ứng dụng công nghệ viễn thám đa tầng để hỗ trợ phát triển nông nghiệp 4.0; nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, ứng dụng khoa học vũ trụ.

- Nghiên cứu, phát triển mô hình chuỗi cung ứng thông minh để dự báo và gắn kết hiệu quả quá trình sản xuất với nhu cầu thị trường. Xây dựng mối liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, tài chính... để tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa hàng hóa ra thị trường.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh và tăng cường áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

c) Bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ; ứng dụng và đổi mới công nghệ

- Xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm truyền thống của địa phương; ưu tiên sản phẩm OCOP và các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ và báo cáo phân tích nhu cầu công nghệ đối với các ngành, lĩnh vực sản xuất chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên có lợi thế của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng và làm chủ các công nghệ về năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghệ lưu trữ năng lượng tiên tiến, pin nhiên liệu; từng bước tiếp cận công nghệ khai thác tài nguyên và năng lượng hiện đại.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

5.6. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y dược, bảo tồn và phát triển nguồn gen

** Về nhiệm vụ*

a) Về lĩnh vực y, dược

- Nghiên cứu ứng dụng các bộ dụng cụ chẩn đoán, các loại vắc-xin và các chế phẩm sinh học trong chẩn đoán, phòng và điều trị dịch trên con người.

- Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người (ghép mô, trị liệu tế bào gốc, can thiệp mạch, kỹ thuật sinh học phân tử, phẫu thuật nội soi, công nghệ laser, y học hạt nhân,...).

- Nghiên cứu các phương pháp phòng và điều trị các bệnh đặc thù (các bệnh lây từ vật sang người, bệnh mới xuất hiện, bệnh lạ,...); nghiên cứu phương pháp chữa bệnh kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền và công nghệ bào chế sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương và phổ biến một số cây thuốc có giá trị dược liệu, giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu và phát triển các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền và công nghệ bào chế sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương.

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu dược (tạo vùng nguyên liệu) phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và sinh phẩm y tế.

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, phòng và điều trị suy dinh dưỡng, béo phì ở trẻ em, nâng cao sức khỏe sinh sản.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS) nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm bớt thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

b) Về bảo tồn và phát triển nguồn gen

- Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen có nguồn gốc bản địa quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế, y học, an ninh, quốc phòng.

- Nghiên cứu phục tráng các giống cây trồng vật nuôi bản địa.
- Nghiên cứu xây dựng các mô hình nuôi trồng các loài cây, con, quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao.
- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học: Tế bào, gen, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì:
- + Sở Y tế: Về lĩnh vực y dược;
- + Sở Nông nghiệp và Môi trường: Về bảo tồn và phát triển nguồn gen.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ; các viện nghiên cứu, cơ sở y tế, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 và các năm tiếp theo.

5.7. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kinh tế biển

- Xây dựng nền khoa học cơ bản hiện đại, bám sát các xu hướng của thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực tinh có thể mạnh và nhu cầu để vươn lên đạt trình độ tiên tiến khu vực như toán học, vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, quá trình biến đổi khí hậu ở tỉnh làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và công nghệ về tài nguyên, vùng biển, hải đảo ven bờ, nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng quy hoạch, hoạch định và hoàn thiện chính sách phát triển bền vững; quản lý và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai. Cung cấp cơ sở pháp lý, dữ liệu khoa học và bằng chứng lịch sử phục vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và quản lý tài nguyên, môi trường nội địa.

- Nghiên cứu liên ngành về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, sông suối và vùng biển, nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội địa phương.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bao gồm rừng, đất và vùng biển - hải đảo ven bờ; giải pháp phục hồi đất giải độ phì và đất khô hạn chống sa mạc hóa phục vụ hoạch định, quy hoạch và phát triển bền vững kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp.

- Nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến trong tìm kiếm, thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, thủy sản, đất rừng, nước, đảm bảo hiệu quả, hợp lý

và bền vững; áp dụng nguyên tắc tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì vốn tự nhiên.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và dự báo thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, sự cố môi trường; nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu cho cả vùng nội địa và ven biển.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ và các kết quả đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

7. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN&ĐMST

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ các công nghệ tiên tiến phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với các địa phương, tổ chức và đối tác trong nước, quốc tế; ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng, kinh tế biển, dược liệu, logistics và du lịch.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn quốc tế và các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong khu vực và trên thế giới.

- Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Tăng cường xúc tiến, quảng bá các sản phẩm, công nghệ, tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu khoa học của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp chủ động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường cho các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

** Tổ chức thực hiện:*

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp, vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch; chủ trì, điều phối và phối hợp thực hiện:

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực về KHCN&ĐMST, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng danh mục nhiệm vụ trọng điểm; tham mưu đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu KHCN&ĐMST, kết nối quốc gia; phát triển dữ liệu mở.

- Tham mưu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sản xuất xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường hợp tác với viện, trường; kết nối chuyên gia, thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực KHCN nhằm triển khai Kế hoạch đảm bảo theo quy

định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; hằng năm, trên cơ sở dự toán được duyệt, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách để đơn vị thực hiện theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, IoT, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa trong sản xuất, chế biến và quản lý nông nghiệp; hoàn thiện mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường; phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, thương hiệu nông sản chủ lực gắn với truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số.

- Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ; thúc đẩy bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng tái tạo, thích ứng biến đổi khí hậu.

4. Sở Công Thương

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất (Robot, tự động hóa...), quản trị và chuỗi cung ứng; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tiêu chuẩn xuất khẩu, xúc tiến thương mại và thương mại điện tử.

- Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng năng lượng tái tạo.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực KHCN&ĐMST (đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, đãi ngộ nhân tài); tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

6. Sở Y tế

Chủ trì triển khai ứng dụng KHCN&ĐMST trong lĩnh vực y tế; phát triển hệ thống y tế thông minh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, quản lý dược và dược liệu; thúc đẩy y tế xanh, đồng thời tăng cường hợp tác, chuyển giao kỹ thuật nâng cao năng lực chuyên môn.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai ứng dụng KHCN&ĐMST trong lĩnh vực giáo dục; nâng cao chất lượng dạy và học; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn và tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì triển khai ứng dụng KHCN&ĐMST trong phát triển du lịch; đẩy mạnh số hóa tài nguyên, phát triển du lịch thông minh, nâng cao chất lượng dịch vụ và quảng bá số; tăng cường liên kết vùng, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

9. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, UBND các xã, phường, đặc khu

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện.

Các đơn vị được phân công nhiệm vụ cần chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hằng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Đẩy mạnh việc triển khai hoạt động KHCN&ĐMST cấp xã, đặc biệt là đối với việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, các hoạt động kiểm tra, thông tin phổ biến pháp luật về KHCN&ĐMST, ứng dụng các tiến bộ KHCN&ĐMST trên địa bàn. Hằng năm, bố trí, thực hiện chi cho hoạt động KHCN&ĐMST trong dự toán ngân sách nhà theo đúng quy định.

10. Các tổ chức KHCN và doanh nghiệp KHCN

Xây dựng kế hoạch triển khai phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phù hợp với năng lực và điều kiện riêng.

Chủ động tham gia cung cấp dịch vụ, tổ chức nghiên cứu, đổi mới công nghệ và các hoạt động phát triển KHCN&ĐMST trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.

VI. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

1. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và tiến độ thực hiện đối với từng nhiệm vụ, chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trung ương, của tỉnh và các ngành, lĩnh vực có liên quan; bảo đảm tính thống nhất, liên thông và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

3. Tăng cường công tác thống kê, theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ, giữa kỳ và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế phối hợp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phòng ngừa tình trạng chồng chéo, trùng lặp, dàn trải trong quá trình triển khai các nhiệm vụ.

6. Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người đứng đầu cơ quan, đơn vị; kịp thời biểu dương, nhân

rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; từng bước hình thành và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các phường, xã, đặc khu và các đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

Định kỳ trước ngày 05/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các khó khăn, vướng mắc từ các cơ quan, đơn vị, đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- TTHCC, TTĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX._{PTTP}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	Phần đầu > 50	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
2	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	%	$\geq 1,5$	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	Phần đầu > 35	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
4	Đưa Chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh (chỉ số PII) tăng 2-3 bậc trong mỗi năm	thứ bậc	Phần đầu đưa Quảng Trị vào nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số PII	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan

5	Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo (quy đổi toàn thời gian)	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
6	Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	Phần đầu ≥ 600	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
7	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
8	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	Phần đầu ≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
9	Số nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai.	Nhiệm vụ	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
10	Số kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
11	Mỗi năm có đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn đăng ký/năm	Phần đầu ≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
12	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	%	Phần đầu ≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan

13	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Bài báo/năm	≥ 15	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
14	Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Công trình/năm	Phần đầu ≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
15	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	Phần đầu ≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
16	Số vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm, Trung tâm ĐMST	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
17	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
18	Sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	Sản phẩm ĐMST được thương mại hoá/năm	Phần đầu ≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
19	Dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án ĐMST được hỗ trợ/năm	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
20	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	Số sáng chế, giải pháp hữu ích	Phần đầu ≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
21	Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	Bài báo	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan

22	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	%	Phần đầu ≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan
23	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	sáng kiến	Phần đầu ≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi đánh giá	các sở ban ngành; địa phương; các đơn vị có liên quan

Phụ lục 2**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026-2030***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Kết quả
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KH&CN&ĐMST	Sở KH&CN	Sở VHTT&DL, các sở ngành, địa phương	Thường xuyên	Chuyên mục, bản tin, chương trình truyền thông
2	Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ KH&CN&ĐMST	Sở KH&CN	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	2026-2030 (cập nhật hằng năm)	Văn bản chính sách, quy định hỗ trợ
3	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm OCOP	Sở KH&CN	Sở NN&MT, các địa phương	2026-2028	Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm OCOP
4	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Sở KH&CN	Các sở ngành, doanh nghiệp	2026-2030	Trung tâm ĐMST, cuộc thi, mạng lưới startup
5	Cơ sở dữ liệu hiện trạng trình độ công nghệ, năng lực sản xuất của các cụm công nghiệp, khu công nghiệp	Sở KH&CN	Các sở ngành, doanh nghiệp	2026-2030	Cơ sở dữ liệu
6	Hợp tác công - tư trong lĩnh vực KH&CN&ĐMST	Sở KH&CN	Doanh nghiệp, viện trường	2026-2030	Dự án hợp tác, mô hình PPP
7	Phát triển văn hóa số, văn hóa ĐMST	Sở KH&CN	Sở VHTT&DL	2026-2030	Mô hình, chương trình văn hóa số
8	Phát triển du lịch thông minh	Sở VHTT&DL	Sở KH&CN, doanh nghiệp	2026-2029	Nền tảng số, sản phẩm du lịch thông minh

9	Ứng dụng KHCN trong giáo dục (STEM, số hóa)	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN	2026-2030	Mô hình giáo dục số, STEM
10	Nông nghiệp công nghệ cao (tự động hóa, công nghệ sinh học...)	Sở NN&MT	Sở KH&CN	2026-2030	Mô hình sản xuất thông minh
11	Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ	Sở NN&MT	Các địa phương	2026-2030	Mô hình kinh tế tuần hoàn
12	Ứng phó biến đổi khí hậu bằng KHCN	Sở NN&MT	Sở KH&CN	2026-2030	Giải pháp kỹ thuật, mô hình thích ứng
13	Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm	Sở KH&CN	Sở Công Thương	2026-2030	Doanh nghiệp áp dụng ISO, Lean...
14	Ứng dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Sở KH&CN	Doanh nghiệp	2026-2030	Hệ thống QR, blockchain
15	Ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Sở NN&MT	Sở KH&CN	2026-2030	Giống, chế phẩm, sản phẩm sinh học
16	Phát triển khoa học tự nhiên, kinh tế biển	Sở KH&CN	Sở NN&MT	2026-2030	Nhiệm vụ nghiên cứu, dữ liệu khoa học
17	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ	Sở KH&CN	Các sở ngành	2026-2030	Dự án chuyển giao công nghệ
18	Xây dựng sàn giao dịch công nghệ	Sở KH&CN	Doanh nghiệp	2026-2030	Sàn giao dịch vận hành
19	Phát triển mạng lưới chuyên gia ĐMST	Sở KH&CN	Các tổ chức	2026-2030	Mạng lưới chuyên gia, cố vấn
20	Hợp tác quốc tế về KHCN&ĐMST	Sở KH&CN	Sở Ngoại vụ	2026-2030	Dự án hợp tác, hội thảo quốc tế

21	Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu không gian quản lý quy hoạch (SDI) trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Xây dựng	Sở KH&CN, Sở Tài chính, UBND xã, phường, đặc khu	2026-2027	Hệ thống GIS quy hoạch thống nhất toàn tỉnh; số hóa 100% dữ liệu quy hoạch phân khu và chi tiết
22	Xây dựng Hệ sinh thái Dữ liệu số và Môi trường Dữ liệu chung (CDE) ngành Xây dựng, định hướng Đô thị thông minh và Bản sao số (Digital Twin)	Sở Xây dựng	Sở KH&CN, Sở Tài chính, các doanh nghiệp đơn vị tư vấn xây dựng	2026-2028	Nền tảng CDE dùng chung; kho dữ liệu số về dự án đầu tư, hạ tầng kỹ thuật; mô hình Bản sao số đô thị thí điểm
23	Ứng dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế, thi công và quản lý vận hành các dự án đầu tư xây dựng công	Sở Xây dựng	Sở KH&CN, các Ban Quản lý dự án chuyên ngành của tỉnh	Thường xuyên	Các dự án công cấp II trở lên áp dụng BIM; quy trình thẩm định dự án trên môi trường số
24	Triển khai nghiên cứu các giải pháp khoa học nhằm thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp công tác Công an làm luận cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng
25	Nghiên cứu, áp dụng mô hình xử lý, tái chế chất thải nông nghiệp, chất thải chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở KH&CN, Sở Tài chính	2026-2030	Nghiên cứu, áp dụng tối thiểu 04 mô hình xử lý, tái chế chất thải nông nghiệp, chất thải chăn

					nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn
26	Xây dựng hệ thống giám sát thông minh tài nguyên rừng và đa dạng sinh học trên cơ sở tích hợp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ban quản lý vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng	Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở NN&MT, các địa phương	2027-2030	01 hệ thống giám sát thông minh tài nguyên rừng và đa dạng sinh học (bao gồm phần mềm, hạ tầng thiết bị và trung tâm dữ liệu) được xây dựng và vận hành thử nghiệm
27	Xây dựng mô hình du lịch sinh thái thông minh gắn với bảo tồn tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu	Ban quản lý vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng	Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở VHTT&DL, các địa phương	2027-2030	01 bộ cơ sở dữ liệu và báo cáo xác định sức tải môi trường phục vụ quản lý, điều tiết hoạt động du lịch
28	Xây dựng phòng nuôi cấy mô, chuyển giao công nghệ và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị Vườn ươm	Ban quản lý vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng	Sở KH&CN, Sở Tài chính, đơn vị tư vấn	2026-2027	Có 01 phòng nuôi cấy mô và vườn ươm đồng bộ, làm chủ quy trình nhân giống công nghệ cao, cung cấp cây giống chất lượng phục vụ bảo tồn và phát triển lâm nghiệp